

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích phát triển giáo dục phổ thông ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2022-2030

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 1538/SGDDĐT-KHTC ngày 02/12/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thẩm định hồ sơ lập đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (*Nghị quyết quy định một số chính sách khuyến khích phát triển giáo dục phổ thông ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2022-2030*), sau khi nghiên cứu, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH VĂN BẢN

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

- Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập;

- Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo

dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 (viết tắt là Nghị định số 69/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 59/2014/NĐ-CP));

- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế;

- Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 4/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2025;

- Thông tư số 13/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục; Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục;

- Thông báo số 148-TB/TU ngày 16/4/2021 của Tỉnh ủy Tuyên Quang về việc thông báo ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy tại buổi làm việc với Sở Giáo dục và Đào tạo;

- Quyết định số 474/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Một số văn bản, tài liệu có liên quan.

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Sự cần thiết xây dựng nghị quyết

Tại Mục I dự thảo Tờ trình đề nghị xây nghị quyết nêu sự cần thiết ban hành Nghị quyết gồm cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn. Trong đó cơ sở pháp lý có nêu một số quy định như:

(1) Khoản 2 Điều 16 Luật Giáo dục năm 2019: “... *Thực hiện đa dạng hóa các loại hình cơ sở giáo dục và hình thức giáo dục; khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục; **khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục dân lập, tư thục** đáp ứng nhu cầu xã hội về giáo dục chất lượng cao*”.

Tuy nhiên, Điều 103 Luật Giáo dục năm 2019 quy định chính sách ưu đãi đối với trường dân lập, trường tư thục như sau:

“1. Trường dân lập, trường tư thục được Nhà nước giao hoặc cho thuê đất, giao hoặc cho thuê cơ sở vật chất, hỗ trợ ngân sách khi thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước đặt hàng, được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế và tín dụng; được Nhà nước bảo đảm kinh phí để thực hiện chính sách đối với người học quy định tại Điều 85 của Luật này (Điều 85 Luật giáo dục quy định về chính sách Học bổng, trợ cấp xã hội, miễn, giảm học phí, hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt)

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này”.

Như vậy, theo quy định trên thì chính sách “*khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục dân lập, tư thục*” thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, không thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(2) Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập: “*Điều 16. Quản lý nhà nước đối với cơ sở ngoài công lập*

1. Các Bộ chuyên ngành và Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước đối với các cơ sở ngoài công lập theo phạm vi, chức năng, nhiệm vụ và phân cấp của cơ quan có thẩm quyền; trong đó, cần tập trung thực hiện:

... b) Ban hành các chính sách, chế độ khuyến khích xã hội hoá phù hợp với các hình thức hoạt động, phù hợp với yêu cầu phát triển của từng lĩnh vực trong từng thời kỳ và từng khu vực”.

Tuy nhiên, hiện nay tại Điều 21 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 59/2014/NĐ-CP) quy định:

“Điều 21. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo

Các quy định trước đây về chính sách khuyến khích xã hội hoá thuộc các lĩnh vực giáo dục đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa; thể dục thể thao; môi trường trái với quy định tại Nghị định này đều bãi bỏ.

Các cơ sở ngoài công lập thuộc các lĩnh vực quy định tại Điều 1 Nghị định này được thành lập theo Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19 tháng 8 năm 1999; Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ đăng ký với cơ quan cấp phép hoạt động và cơ quan thuế để được hưởng các chính sách ưu đãi quy định tại Nghị định này”.

Như vậy, mặc dù Điều 21 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 59/2014/NĐ-CP) không quy định cụ thể bãi bỏ các quy định trước đây về chính sách khuyến khích xã hội hoá nhưng căn cứ Điều 21 có thể hiểu việc thực hiện các chính sách khuyến khích xã hội hóa (trong đó có lĩnh vực giáo dục) được áp dụng thực hiện theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 59/2014/NĐ-CP), Luật Giáo dục năm 2019, tại đó không phân cấp cho HĐND tỉnh ban hành chính sách khuyến khích phát triển giáo dục phổ thông ngoài công lập.

(3) Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế:

“5. Tổ chức thực hiện:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo:

... - **Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan có liên quan** rà soát, đánh giá thực trạng về cơ chế, chính sách đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập để đề xuất các giải pháp đồng bộ, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện, khuyến khích các tổ chức cá nhân thành lập các trường tư thục”.

Như vậy, cơ quan được giao chủ trì rà soát, đánh giá thực trạng về cơ chế, chính sách đối với các cơ sở giáo dục mầm non, **phổ thông ngoài công lập** để đề xuất các giải pháp đồng bộ, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện, khuyến khích các tổ chức cá nhân thành lập các trường tư thục là “**Bộ Giáo dục và Đào tạo**”, không phải Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

(4) Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 4/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2025: “h) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ... Có giải pháp cụ thể hỗ trợ lãi suất tín dụng, hỗ trợ vốn đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, hỗ trợ tài chính, tổ chức bồi dưỡng quản lý, chuyên

môn cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục cho các cơ sở giáo dục ngoài công lập (đặc biệt là các cơ sở giáo dục mầm non tại các địa phương đông dân, khu công nghiệp, khu chế xuất) từ nguồn ngân sách địa phương, phù hợp với khả năng huy động của ngân sách và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương”.

Ngoài các quy định nêu trên, qua nghiên cứu một số văn bản liên quan, Sở Tư pháp nhận thấy Luật Giáo dục năm 2019 quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non (Điều 27), Chính sách phát triển giáo dục thường xuyên (Điều 46), chính sách ưu đãi đối với trường năng khiếu (Điều 62), chính sách ưu đãi đối với trường, lớp dành cho người khuyết tật (Điều 63), chính sách đối với nhà giáo (Điều 77), chính sách đối với người học (từ Điều 84 đến Điều 88), chính sách ưu đãi đối với trường dân lập, trường tư thục (Điều 103); không quy định và phân cấp cho HĐND cấp tỉnh quy định chính sách khuyến khích phát triển giáo dục phổ thông ngoài công lập.

- Khoản 3 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019 quy định:

“Điều 99. Học phí, chi phí của dịch vụ giáo dục, đào tạo

3. Học sinh tiểu học trong cơ sở giáo dục công lập không phải đóng học phí; ở địa bàn không đủ trường công lập, học sinh tiểu học trong cơ sở giáo dục tư thục được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí, mức hỗ trợ do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định”.

- Điểm d khoản 4 Điều 8 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, quy định:

“4. Đối với cơ sở giáo dục dân lập, tư thục

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, yêu cầu cần đạt của chương trình giáo dục tiểu học, quy mô học sinh tiểu học trên địa bàn và định mức học sinh/lớp cấp tiểu học theo quy định để xây dựng tiêu chí xác định các địa bàn không đủ trường công lập trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và quyết định mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tại các trường tư thục ở địa bàn không đủ trường công lập theo từng năm học; kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí do ngân sách nhà nước cấp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện”.

Từ các vấn đề nêu trên nhận thấy, Luật Giáo dục năm 2019 đã quy định chính sách ưu đãi đối với trường dân lập, trường tư thục (Điều 103), **không phân**

cấp HĐND tỉnh quy định cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển giáo dục phổ thông ngoài công lập (*thẩm quyền này thuộc về Chính phủ trong quy định “chính sách ưu đãi đối với trường dân lập, trường tư thục”*). Ngoài ra, căn cứ điểm d khoản 4 Điều 8, khoản 3 Điều 20, đề nghị cơ quan soạn thảo tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành **“tiêu chí xác định các địa bàn không đủ trường công lập; mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tại các trường tư thục ở địa bàn không đủ trường công lập theo từng năm học”** cho phù hợp.

2. Về nội dung đề xuất xây dựng nghị quyết

Trên cơ sở nghiên cứu tài liệu hiện có gửi kèm theo Văn bản số 1538/SGDDĐT-KHTC ngày 02/12/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tư pháp nhận thấy quá trình lập đề nghị xây dựng nghị quyết đã thực hiện lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị liên quan nhưng hiện nay có ý kiến tham gia của 02 cơ quan là Sở Tư pháp tại Văn bản số 1295/STP-XDKTTHPL&PBGDPL ngày 18/11/2021, Sở Tài chính tại Văn bản số 2394/STC-QLNS ngày 27/10/2021 nhưng chưa được cơ quan soạn thảo nghiên cứu tiếp thu, chỉnh sửa. Sở Tư pháp cho rằng các ý kiến tham gia này là phù hợp, cần được xem xét kỹ lưỡng để tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết. Trong đó, lưu ý một số ý kiến như sau:

Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết đề xuất 05 chính sách gồm: **(1)** Chính sách Hỗ trợ lãi suất vay ngân hàng cho nhà đầu tư; **(2)** Chính sách hỗ trợ đầu tư mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học; **(3)** Chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng các khối công trình; **(4)** Chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh; **(5)** Chính sách hỗ trợ kinh phí để trả lương cho giáo viên.

Tuy nhiên, hiện nay chính sách (1) Chính sách Hỗ trợ lãi suất vay ngân hàng cho nhà đầu tư đã được quy định tại Điều 9 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 59/2014/NĐ-CP) *“Điều 9. Chính sách ưu đãi về tín dụng: Cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc phạm vi, đối tượng quy định tại Điều 1, Điều 2 Nghị định này được vay vốn tín dụng đàn tư hoặc hỗ trợ sau đầu tư theo quy định về tín dụng đầu tư của nhà nước”*.

- Điều 103 Luật Giáo dục năm 2019 quy định **chính sách ưu đãi đối với trường dân lập, trường tư thục** như sau:

“1. Trường dân lập, trường tư thục được Nhà nước giao hoặc cho thuê đất, giao hoặc cho thuê cơ sở vật chất, hỗ trợ ngân sách khi thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước đặt hàng, được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế và tín dụng; được Nhà nước bảo đảm kinh phí để thực hiện chính sách đối với người học quy định tại Điều 85 của Luật này (Điều 85 Luật giáo dục quy định về chính sách

Học bổng, trợ cấp xã hội, miễn, giảm học phí, hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt)

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này”.

Như vậy, Điều 103 Luật Giáo dục năm 2019 đã quy định các chính sách cho trường dân lập, tư thục, trong đó có các trường phổ thông ngoài công lập, gồm: (1) Được nhà nước giao hoặc cho thuê đất, giao hoặc cho thuê cơ sở vật chất; (2) Được hỗ trợ ngân sách khi thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước đặt hàng; (3) Được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế và tín dụng; (4) Được Nhà nước bảo đảm kinh phí để thực hiện chính sách đối với người học quy định tại Điều 85 của Luật này (*Điều 85 Luật giáo dục quy định về chính sách Học bổng, trợ cấp xã hội, miễn, giảm học phí, hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt*). Đồng thời, Điều 103 Luật Giáo dục năm 2019 giao cho Chính phủ quy định chi tiết.

Như vậy, Điều 103 Luật Giáo dục năm 2019 chính sách cho trường dân lập, tư thục không bao gồm chính sách (2) Hỗ trợ đầu tư mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học, chính sách (3) Hỗ trợ đầu tư xây dựng các khối công trình và Chính sách (5) Hỗ trợ kinh phí để trả lương cho giáo viên như hồ sơ đề nghị.

Ngoài ra, khoản 6 Điều 99 Luật giáo dục năm 2019 quy định:

“6. Cơ chế thu và quản lý học phí, các khoản thu dịch vụ trong hoạt động giáo dục được quy định như sau:

*... d) **Cơ sở giáo dục dân lập, cơ sở giáo dục tư thục được quyền chủ động xây dựng mức thu học phí và các dịch vụ khác bảo đảm bù đắp chi phí và có tích lũy hợp lý.** Thực hiện công khai chi phí của dịch vụ giáo dục, đào tạo và mức thu theo cam kết trong đề án thành lập trường, công khai cho từng khóa học, cấp học, năm học theo quy định của pháp luật”.*

Khoản 3 Điều 7, khoản 3 Điều 20 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định:

“Điều 7. Lộ trình tính giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

*3. Căn cứ chính sách phát triển giáo dục của Nhà nước và tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình **Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép** cơ sở giáo dục mầm non, **giáo dục phổ thông ở các địa bàn có khả năng xã hội hóa cao** và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu được **chú trọng thực hiện lộ trình tính đủ chi phí vào giá dịch vụ giáo dục, đào tạo** tương xứng với chất lượng giáo dục, đào tạo; đồng thời phải bảo đảm thực hiện các mục tiêu giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành”.*

Điều 20. Cơ chế miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và hỗ trợ đóng học phí

3. Nhà nước cấp trực tiếp tiền miễn, giảm học phí cho các đối tượng thuộc diện được miễn, giảm học phí theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học tư thục; cấp trực tiếp tiền hỗ trợ đóng học phí cho gia đình học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục tư thục ở địa bàn không đủ trường công lập theo mức học phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên tương ứng với từng vùng, từng cấp học; theo mức học phí do cơ quan có thẩm quyền quy định trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên tương ứng với các nhóm ngành, chuyên ngành quy định tại Điều 10 và Điều 11 Nghị định này”.

Từ các vấn đề nêu trên, nhận thấy một số chính sách được đề xuất đã được pháp luật hiện hành quy định, không thuộc thẩm quyền quy định của HĐND tỉnh; một số chính sách chưa đảm bảo tính hợp lý, khả thi.

3. Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách:

- Phần “*Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan*” trong từng chính sách **chưa tách bạch các vấn đề cần được đánh giá** (tác động về kinh tế, tác động về xã hội, tác động về giới (nếu có), tác động về thủ tục hành chính (nếu có), tác động đối với hệ thống pháp luật) theo quy định tại Điều 6, Mẫu số 01 Phụ lục số V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

- Biểu so sánh lợi ích kinh tế giữa phát triển trường ngoài công lập và đầu tư công lập chưa thể hiện được nội dung so sánh và công thức tính toán chi phí để so sánh; đồng thời **chưa làm rõ cơ sở đưa ra nhận định** “*Chi phí hỗ trợ ngoài công lập bằng 16% chi phí công lập*” (hiện cơ quan soạn thảo mới đưa ra con số liệu về “*biên chế lãnh đạo, biên chế nhân viên, biên chế giáo viên*”).

4. Kết luận

Từ các vấn đề nêu trên, Sở Tư pháp trân trọng đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu ý kiến nêu tại mục 1, mục 2, mục 3 Phần II Báo cáo này, tiếp tục rà soát chỉnh sửa đề xuất xây dựng Nghị quyết cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp về đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định một số chính sách khuyến khích phát triển giáo dục phổ thông ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2022-2030./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Tài chính (để biết);
- Giám đốc Sở;
- Trang TTĐT STP;
- Lưu VT, XDKTTHPL&PLGDPL.
Loan.5b.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thục